TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MANG THÍT
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 13-3-2023
V/v: Ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT, TỈNH VĨNH LONG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Trương Tấn Đồng**
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Văn Phẩm**
2. Ông **Nguyễn Đinh Cường**

- ***Thư ký phiên toà***: Bà **Trần Mai Phụng**, là Thư ký Toà án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít:*** Không tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 363/2022/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2022 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Bạch M**, sinh năm 1991; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú Tổ 1, khu phố 2, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; chổ ở hiện nay số X đường Y, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có đơn xin vắng mặt).

2. *Bị đơn*: Anh **Trương Văn V**, sinh năm 1981; địa chỉ cư trú ấp T, xã C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 02 tháng 12 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Bạch M trình bày: Vào năm 2009, chị và anh V kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ngày 05 tháng 02 năm 2009. Chị M cho rằng sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên, đến năm 2018 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do rạn nứt về tình cảm, không có sự san sẻ về tài chính lo cho cuộc sống gia đình. Từ đó, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không khắc phục được nên chị và anh V đã ly thân từ đầu năm 2019 đến nay. Chị M xác định hiện nay tình cảm vợ chồng không còn nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V.

Về nuôi con chung chị M xác định chị và anh V có 01 (một) người con chung là Trương Tuệ G, sinh ngày 25/01/2012, hiện đang sống với anh V. Khi ly hôn chị M đồng ý giao cháu Tuệ Linh cho anh V tiếp tục nuôi dưỡng và chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình chị M đã cung cấp cho Tòa án Trích lục kết hôn số: 63/2022/TLKH-BS, ngày 11 tháng 3 năm 2021 (bản sao) và 01 (một) giấy khai sinh mang tên Trương Tuệ G (bản photo có chứng thực).

Tại phiên tòa, anh Trương Văn V trình bày: Anh V xác định lời trình bày của chị M về hôn nhân, con chung cũng như mâu thuẫn của vợ chồng là đúng sự thật và anh đồng ý ly hôn với chị M. Về con chung anh V đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trương Tuệ G và anh không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con. Về chia tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/02/2023 cháu Trương Tuệ G trình bày: Trường hợp cha mẹ cháu ly hôn thì cháu yêu cầu được sống với cha và không yêu cầu mẹ cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Các đương sự tranh chấp ly hôn, về nuôi con là tranh chấp hôn nhân và gia đình; bị đơn anh V có nơi cư trú tại xã C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Mang Thít thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Vào năm 2009, chị M và anh V kết hôn. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ngày 05 tháng 02 năm 2009. Vì vậy hôn nhân của chị M và anh V là hợp pháp.

Xét; việc chị M và anh V đồng ý thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên chấp nhận.

[2.2] Về nuôi con chung: Xét việc chị M và anh V thỏa thuận anh V được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trương Tuệ G và chị M không cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với nguyện vọng của cháu Trương Tuệ G nên chấp nhận.

[2.3] Về chia tài sản và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[2.4] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 55; 81; 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 24 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Bạch M và anh Trương Văn V.

2. Về nuôi con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Lê Thị Bạch M và anh Trương Văn V. Giao cháu Trương Tuệ G, sinh ngày 25 tháng 01 năm 2012 cho anh Trương Văn V tiếp tục nuôi dưỡng, chị Lê Thị Bạch M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Lê Thị Bạch M có quyền tới lui trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Bạch M phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007520 ngày 15 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít, như vậy chị Lê Thị Bạch M không phải nộp thêm tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định, được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hh án theo qui định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được qui định theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Vĩnh Long;
-VKSND huyện Mang Thít;
- Chi cụcTHADS huyện Mang Thít;
- UBND thị trấn L;
- Đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Trương Tấn Đồng